TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-PT
Ngày: 12-3-2020
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lâm Bách

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế tài sản theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X - Sinh năm: 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm: 1958 (có mặt);

2.2. Ông Nguyễn Nh - Sinh năm: 1961 (có mặt);

2.3. Bà Nguyễn Thị C - Sinh năm: 1964 (có mặt);

2.4. Ông Nguyễn B - Sinh năm: 1967, đã ủy quyền cho ông Nguyễn L, sinh năm 1979 tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 21/6/2019 (vắng mặt);

2.5. Bà Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm: 1976 (có mặt);

2.6. Ông Nguyễn L - Sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn B, ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Cha bà tên E, sinh năm 1930, chết ngày 12/5/2018, có để lại di chúc. Mẹ bà tên I, sinh năm 1938, chết năm 2004, không để lại di chúc. Cha mẹ bà có tất cả 08 người con gồm: bà Nguyễn Thị Y (sinh năm 1958), ông Nguyễn Nh (sinh năm 1961), bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1964), ông Nguyễn B (sinh năm 1967), bà Nguyễn Thị Thu T (sinh năm 1972), bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1976), ông Nguyễn L (sinh năm 1979) và bà. Cha mẹ bà không có con riêng, con nuôi.

Khi còn sống, cha mẹ bà không nợ ai và có tạo lập được khối tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, 01 nhà vệ sinh trên diện tích 151m^2 đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7d xã H, tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N. Thửa đất này đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AH 36888 vào ngày 03/4/2007 đứng tên hộ ông E và bà I. Hiện nay, các anh chị em khác đã có gia đình và có nhà ở riêng. Bản thân bà từ nhỏ sống với cha mẹ, lớn lên không có gia đình riêng nên vẫn sống và ở trong căn nhà trên với cha mẹ bà cho đến lúc cha mẹ bà chết.

Ngày 22/01/2018, cha bà có lập di chúc tặng cho phần tài sản của ông cho bà và bà Nguyễn Thị Thu T. Nay bà yêu cầu Tòa án chia phần tài sản của cha bà để lại theo di chúc và chia phần tài sản của mẹ bà để lại cho những người thừa kế theo pháp luật. Bà xin nhận căn nhà cùng toàn bộ diện tích 151m^2 đất thuộc thửa đất số 154, tờ

bản đồ số 7d xã H và hoàn tiền lại cho những người đồng thừa kế khác. Bà đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mà bà T để lại cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Nh, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn L trình bày:

Các ông bà thừa nhận nguyên đơn trình bày về cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết, về quan hệ huyết thống và di sản cha mẹ để lại như trên là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà có ý kiến như sau:

Bà Nguyễn Thị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng di chúc mà cha bà ông E làm là do bị ép buộc và bà có ý kiền đề nghị lấy toàn bộ tài sản của cha mẹ bà để lại làm như từ đường.

Ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo di chúc và theo pháp luật. Phần tài sản các ông bà được nhận, các ông bà xin nhận bằng tiền tương đương với kỷ phần mà các ông bà được hưởng.

Ông Nguyễn L đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuy nhiên ông không đồng ý với giá đất 1.600.000 đồng/m^2 của Hội đồng định giá tài sản, theo ông, đất tại khu vực tranh chấp có giá 3.000.000 đồng/m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà đồng ý với toàn bộ nội dung nguyên đơn trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần di sản bà được nhận thừa kế của cha mẹ bà, bà đồng ý tặng cho lại bà Nguyễn Thị X.

Tại bản án dân sự số 09/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 643, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 659, Điều 660; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo di chúc của ông E và chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà I của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với di sản thừa kế là 01 căn nhà cấp 4, 01 căn nhà vệ sinh trên diện tích 151m^2 thuộc thửa đất số

154 tờ bản đồ số 7d xã H tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận do ông E, bà I để lại.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế giữa bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Thu T.

Giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng, quản lý và sở hữu căn nhà cấp 4, 01 căn nhà vệ sinh gắn liền với diện tích 151m^2 đất có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp đường đi; Tây giáp thửa 153; Nam giáp thửa 267 và đường đi; Bắc giáp thửa 155, 156 (có trích sao bản đồ địa chính kèm theo).

Bà Nguyễn Thị X phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Nh, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn L mỗi người số tiền 15.388.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi đối với thửa đất số 154 tờ bản đồ số 7d xã H tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2019, ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn B, ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho các ông bà được nhận kỷ phần thừa kế của bà I bằng hiện vật là đất để giao lại cho ông Nh mở rộng lối đi dẫn vào thửa đất số 267 tờ bản đồ số 7d xã H của ông Nh và ông Nh phải hoàn trả tiền cho ông B, ông L, bà C theo kỷ phần thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nh, ông B, bà C và ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của các bị đơn hợp lệ nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết *"Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc và chia di sản theo pháp luật"* là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn B, ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị C có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho các ông bà được nhận kỷ phần thừa kế của bà I bằng hiện vật là đất để các ông bà giao lại cho ông Nh mở rộng lối đi dẫn vào thửa đất số 267 tờ bản đồ số 7d xã Hộ Hải của ông Nh và ông Nh hoàn trả tiền cho ông B, ông L, bà C theo kỷ phần thừa kế.

Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình giải quyết tranh chấp từ giai đoạn sơ thẩm đến tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế, diện thừa kế và di sản thừa kế của cha mẹ là ông E và bà I để lại là thửa đất số 154 tờ bản đồ số 7d xã H, diện tích 151m^2. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 01 nhà vệ sinh. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhu cầu về nhà ở của các đương sự. Trong số 08 chị em ai cũng có nhà ở riêng, chỉ có bà Nguyễn Thị X ngoài căn nhà của cha mẹ để lại thì bà không có chỗ ở nào khác nên đã giao cho bà Nguyễn Thị X nhận căn nhà và đất của cha mẹ để lại và hoàn tiền cho những thừa kế khác là phù hợp. Mặt khác, nếu tính theo kỷ phần thừa kế bằng hiện vật thì ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn B, ông Nguyễn L, bà Nguyễn Thị C mỗi người chỉ được nhận 8,39m^2 đất. Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2020, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: lối đi dẫn vào thửa đất số 267 của ông Nh có bề rộng 0,8m và lối đi này có nguồn gốc là do ông E (cha ông Nh) tự chừa đất để làm lối đi. Lối đi này đã hình thành từ lâu và hiện nay do gia đình bà Nguyễn Thị Thu H (em gái ông Nh) trực tiếp sử dụng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2020, bà H xác nhận hiện nay gia đình bà đang thuê căn nhà của ông Nh trên thửa đất số 267 để ở và là người trực tiếp sử dụng lối đi này khoảng bảy năm nay nhưng gia đình bà vẫn thấy bình thường, không trở ngại gì về việc đi lại. Nếu chấp nhận mở rộng lối đi theo yêu cầu ông Nh thì phải đập bỏ một phần vách của căn nhà do cha mẹ để lại, dẫn đến ảnh hưởng công năng sử dụng của căn nhà này. Mặt khác, phần đất thuộc lối đi chung không phải là di sản thừa kế để giải quyết trong vụ án này. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nh, bà C, ông B, ông L là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại quyết định bản án sơ thẩm tuyên giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng, quản lý và sở hữu căn nhà cấp 4 là chưa chính xác. Bởi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông E bà I vào ngày 03/4/2007 chỉ cấp quyền sử dụng đất ở tại nông thôn, chưa công nhận quyền sở hữu nhà. Do đó cần điều chỉnh cách tuyên lại cho phù hợp.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Nh phải chịu 700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nh đã nộp đủ.

Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn L, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Nh, ông Nguyễn L, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị C; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 270 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 643, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651, Điều 659, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với di sản thừa kế là 01 căn nhà cấp 4, 01 căn nhà vệ sinh trên diện tích 151m^2 thuộc thửa đất số 154 tờ bản

đồ số 7d xã H tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận do ông E, bà I để lại.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế giữa bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Thu T.

Giao cho bà Nguyễn Thị X được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 154 tờ bản đồ số 7d xã H, diện tích 151m^2. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 01 nhà vệ sinh. Vị trí tứ cận như sau: Đông giáp đường đi; Tây giáp thửa 153; Nam giáp thửa 267 và đường đi; Bắc giáp thửa 155, 156 *(có trích sao bản đồ địa chính kèm theo)*.

Bà Nguyễn Thị X phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Nh, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn L mỗi người là 15.388.000 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng)*. Bà Y, ông Nh, bà C, ông B, bà H và ông L được sở hữu số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai đối với thửa đất số 154 tờ bản đồ số 7d xã H tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Nh phải chịu 700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nh đã nộp đủ.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bà X, bà Y được nhận thừa kế.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí đối với phần tài sản nhận tặng cho của bà Nguyễn Thị Thu T là 4.616.500 đồng *(Bốn triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng)*.

Ông Nguyễn Nh, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn L phải chịu 769.400 đồng (*Bảy trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Nh, Nguyễn L, Nguyễn B và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0021163 ngày 14/10/2019, Biên lai thu số

0021164 ngày 14/10/2019, Biên lai thu số 0021165 ngày 14/10/2019 và Biên lai thu số 0021166 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Nh, ông B, ông L, bà C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2020)./.

Nơi nhận:
- Đương sự (8);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Hải (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Hưng Dũng